TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 03 - 2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Hội.

2. Bà Bùi Nguyễn Tuyết Minh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đ – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 26 tháng 02 và 17 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025, Về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Văn V, sinh năm 1988.
- Bị đơn: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1989.
Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bùi Văn V trình bày: Vào năm 2014, anh V1 và chị H cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T. Vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu,

sau đó dần mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được nữa cho nên nay anh V yêu cầu:

- Về hôn nhân: Anh Bùi Văn V yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh V và chị H ly hôn; không có con chung; không có tranh chấp về tài sản và nợ nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã A nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Bùi Văn V vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh V, chị H.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị Mỹ H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T năm 2014. Do đó, hôn nhân của anh

chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Anh V yêu cầu ly hôn với chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại 02 lần phiên tòa sơ thẩm chị H cũng không có mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn là chị H đã biết việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn (niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định), nhưng bị đơn không có ý kiến, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn và không đến theo giấy triệu tập và văn bản của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Việc khởi kiện yêu cầu ly hôn anh V trình bày vợ chồng đã bất đồng quan điểm không hàn gắn được tình cảm. Nay anh V thấy mục đích của hôn nhân không đạt được nên kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh V kiên quyết ly hôn, chị H không có ý kiến gì về yêu cầu của anh V. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là anh Bùi Văn V theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, anh Bùi Văn V là người khởi kiện phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Mỹ H không phải chịu án phí.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Văn V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0004897 ngày 15-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Anh Bùi Văn V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Dung